

# THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

---



## Chương 6. THANH TOÁN TRONG TMĐT



ThS. Nguyễn Thị Thanh Trúc





# Nội dung

- ❖ Giới thiệu tổng quan
- ❖ Các cấp độ của E-commerce
- ❖ Thẻ thanh toán
- ❖ Phân loại thẻ thanh toán
- ❖ Cơ chế thanh toán qua mạng
- ❖ Bảo mật khi thanh toán
- ❖ Thanh toán trong TMĐT VN



# Câu hỏi 1

1. Hình thức thanh toán phổ biến trước đây và hiện nay?
2. Có cần thiết có thanh toán trên mạng để có thể tiến hành E-Commerce?



# Giới thiệu tổng quan

- ❖ Thương mại điện tử là phải có thanh toán qua mạng?
- ❖ Không thể thanh toán qua mạng → không thể áp dụng Thương mại điện tử?”.
- ❖ Điều này không đúng. Thương mại điện tử có nhiều mức độ.





# Các cấp độ của E-commerce

## ❖ Cấp độ 1 – Hiện diện trên mạng:

- Doanh nghiệp có một website trên mạng. Tuy nhiên ở mức độ này, website rất đơn giản, chỉ là cung cấp một vài thông tin về doanh nghiệp và sản phẩm mà không có các chức năng phức tạp khác.







# Các cấp độ của E-commerce

## ❖ Cấp độ 2 – Có website chuyên nghiệp:

- Ở cấp độ này, website của doanh nghiệp có cấu trúc, có bộ tìm kiếm để người xem có thể tìm kiếm thông tin trên website một cách dễ dàng và họ có thể liên lạc với doanh nghiệp một cách thuận tiện nhất.





# Các cấp độ của E-commerce

## ❖ Cấp độ 3 – Chuẩn bị Thương mại điện tử:

- Doanh nghiệp bắt đầu triển khai bán hàng hay dịch vụ qua mạng. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu nội bộ để phục vụ các giao dịch trên mạng. Các giao dịch còn chậm và không an toàn.





# Các cấp độ của E-commerce

## ❖ Cấp độ 4 – Áp dụng Thương mại điện tử:

- Website của doanh nghiệp liên kết trực tiếp với dữ liệu trong mạng nội bộ của doanh nghiệp, mọi hoạt động truyền thông số, dữ liệu đã được tự động hóa, hạn chế sự can thiệp của con người và vì thế làm giảm đáng kể chi phí hoạt động.







# Các cấp độ của E-commerce

## ❖ Cấp độ 5 – Thương mại điện tử không dây:

- Doanh nghiệp áp dụng Thương mại điện tử trên các thiết bị không dây như điện thoại di động, palm,... Sử dụng giao thức truyền số liệu không dây WAP (Wireless Application Protocol).





# Các cấp độ của E-commerce

## ❖ Cấp độ 6 – Cả thế giới trong một máy tính:

- Ở cấp độ này, chỉ với một thiết bị điện tử, người ta có thể truy cập vào một nguồn thông tin khổng lồ, mọi lúc, mọi nơi và mọi loại thông tin (hình ảnh, âm thanh, phim,...)





## Câu hỏi 2

Các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay  
đang ở cấp độ nào?



# Các yêu cầu cơ bản trong thanh toán điện tử

- ❖ Tính độc lập
- ❖ Tính tương thích
- ❖ Tính bảo mật và an toàn
- ❖ Tính nặc danh
- ❖ Tính đa dạng
- ❖ Dễ sử dụng
- ❖ Phí giao dịch
- ❖ Các qui tắc



# Thanh toán

❖ Hiện tại có một số hình thức thanh toán như sau:

- Tiền mặt.
- Chuyển tiền qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản qua ngân hàng.
- Thanh toán bằng hình thức tín dụng thư.
- Thanh toán bằng thẻ tín dụng.
- Thanh toán bằng thẻ mua hàng do DN phát hành.
- Chuyển khoản bằng ATM tại Việt Nam.
- ...





# Thẻ thanh toán

## ❖ Có nhiều khái niệm về thẻ thanh toán:

- Thẻ thanh toán (thẻ chi trả) là một phương tiện thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ hoặc có thể được dùng để rút tiền mặt tại các ngân hàng hoặc các máy rút tiền tự động.
- Thẻ thanh toán là một phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt mà người chủ thẻ có thể thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ tại các điểm chấp nhận thanh toán bằng thẻ hoặc sử dụng để rút tiền mặt.



# Phân loại thẻ thanh toán

## Phân loại theo công nghệ sản xuất

### ❖ Thẻ khắc chữ nổi (EmbossingCard):

- Dựa trên công nghệ khắc chữ nổi.
- Hiện nay không còn sử dụng vì kỹ thuật quá thô sơ dễ bị giả mạo.

### ❖ Thẻ băng từ (Magnetic stripe):

- Dựa trên kỹ thuật thư tín với hai băng từ chứa thông tin đăng sau mặt thẻ.
- Thẻ chỉ mang thông tin cố định, không gian chứa dữ liệu ít, không áp dụng được kỹ thuật mã hóa, bảo mật thông tin...



# Phân loại thẻ thanh toán

## Phân loại theo công nghệ sản xuất

### ❖ Thẻ thông minh (Smart Card):

- Đây là thế hệ mới nhất của thẻ thanh toán.
- Được gắn một bộ mạch tích hợp có khả năng lưu trữ và xử lý thông tin.
- Nó có thể nhận dữ liệu, xử lý dữ liệu bằng các ứng dụng thẻ mạch tích hợp và đưa ra kết quả.



Frequently Asked Questions  
**SmartCard**  
BY HIGHER ONE



# Phân loại thẻ thanh toán

## Phân loại theo tính chất thanh toán

### ❖ Thẻ tín dụng (Credit Card):

- Là loại thẻ được sử dụng phổ biến nhất.
- Chủ thẻ được ứng trước một hạn mức tiêu dùng mà không phải trả tiền ngay, chỉ thanh toán sau một kỳ hạn nhất định.
- Người ta còn gọi thẻ tín dụng là thẻ ghi nợ chậm trả.





# Phân loại thẻ thanh toán

## Phân loại theo tính chất thanh toán

### ❖ Thẻ ghi nợ (Debit card):

- Được sử dụng để mua hàng hóa hay dịch vụ.
- Giá trị những giao dịch sẽ được khấu trừ ngay lập tức vào tài khoản của chủ thẻ.
- Thẻ ghi nợ còn được sử dụng để rút tiền mặt. Ví dụ: Thẻ ghi nợ Connect 24 hours của Vietcombank.







# Phân loại thẻ thanh toán

## Phân loại theo tính chất thanh toán

### ❖ Thẻ rút tiền mặt (Cash card):

- Rút tiền mặt tại các máy rút tiền tự động hoặc ở ngân hàng.
- Chủ thẻ phải ký quỹ tiền gửi vào tài khoản ngân hàng.

### Có 2 loại thẻ:

- Chỉ rút tiền tại những máy tự động của Ngân hàng phát hành.
- Rút tiền ở các Ngân hàng cùng tham gia tổ chức thanh toán với Ngân hàng phát hành thẻ.





# Phân loại thẻ thanh toán

## ❖ Phân loại theo phạm vi lãnh thổ:

- Thẻ trong nước và thẻ quốc tế.

## ❖ Phân loại theo chủ thẻ phát hành:

- Thẻ do ngân hàng phát hành (Bank Card) và thẻ do tổ chức phi ngân hàng phát hành.





# Cơ chế thanh toán qua mạng

- ❖ Trong thanh toán B2C qua mạng, đại đa số người mua dùng thẻ tín dụng để thanh toán.
  - Thẻ tín dụng là loại thẻ Visa, MasterCard,... có tính quốc tế, chủ thẻ có thể dùng được trên toàn cầu.
  - Ở Việt Nam, cá nhân hay tổ chức có thể đăng ký làm thẻ tín dụng với nhiều ngân hàng như Vietcombank, ACB,...



# Cơ chế thanh toán qua mạng

## ❖ Trên thẻ tín dụng thường có:

- Họ và tên chủ sở hữu thẻ.
- Số thẻ (ví dụ MasterCard có 16 chữ số).
- Thời hạn của thẻ.
- Mặt sau thẻ có dòng số an toàn (security code) tối thiểu là ba chữ số.
- Một số thông số khác cùng với các chip điện tử hoặc vạch từ (magnetic stripe).
- Chủ thẻ cũng được cung cấp PIN Code để rút tiền.



# Cơ chế thanh toán qua mạng

- ❖ Những thông tin về thẻ tín dụng người mua phải khai báo khi thực hiện việc mua qua mạng gồm:
  - Số thẻ (16 chữ số được in trên mặt trước thẻ).
  - Họ tên chủ sở hữu in trên thẻ.
  - Thời hạn hết hạn của thẻ, in trên mặt trước.
  - Mã số an toàn (security code) là ba chữ số cuối cùng in trên mặt sau của thẻ.
  - Địa chỉ nhận hóa đơn thanh toán việc sử dụng thẻ do ngân hàng gửi cho chủ thẻ (optional).





# Cơ chế thanh toán qua mạng

- ❖ Hiện giao thức thanh toán qua mạng được sử dụng phổ biến là SET (Secure Electronic Transaction)
  - SET giúp cho giao dịch điện tử an toàn, do Visa và Master Card phát triển năm 1996





Ngân hàng  
phát hành thẻ

Acquirer

Ngân hàng  
người bán hoặc  
third party

3. Authorisation  
Request

4. Authorisation  
Response

Payment Gateway

5. Authorisation  
Response

2. Authorisation  
Request

Cardholder  
Wallet

6. Receipt

1. Purchase Request

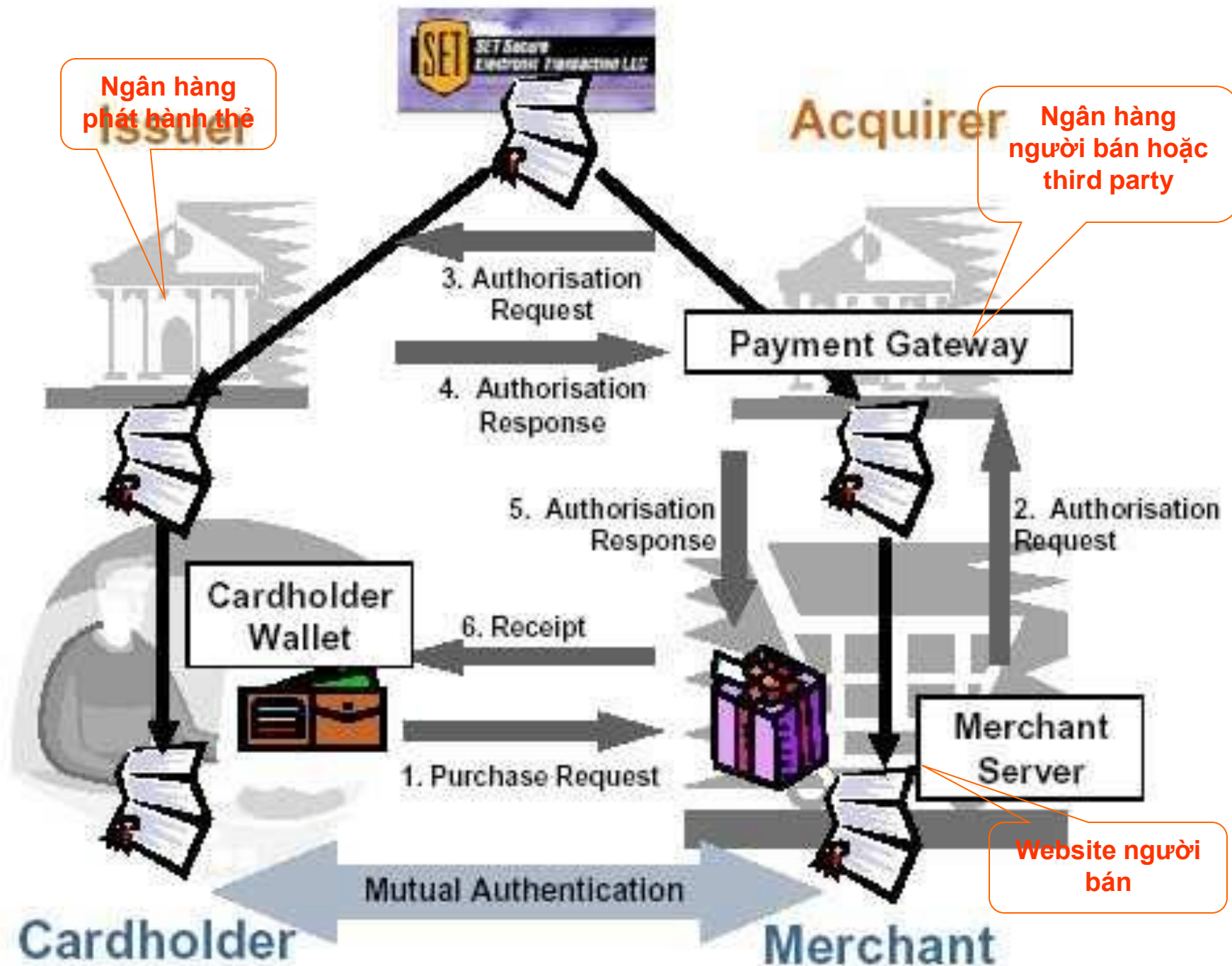
Merchant  
Server

Mutual Authentication

Website người  
bán

Cardholder

Merchant





# Cơ chế thanh toán qua mạng

## ❖ Quy trình:

1. Người mua đặt lệnh mua trên website của người bán sau khi đã chọn hàng hóa. Sau đó người mua khai báo thông tin thẻ tín dụng của mình.
2. Thông tin thẻ tín dụng của người mua được chuyển thẳng đến ngân hàng của người bán (trong trường hợp người bán có **Merchant Account** hoặc chuyển thẳng đến nhà cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng (gọi là Third Party – Bên thứ ba) mà người bán đã chọn.



# Cơ chế thanh toán qua mạng

## ❖ Quy trình:

3. Ngân hàng của người bán hoặc Bên thứ ba này sẽ kiểm tra tính hợp lệ của thẻ với ngân hàng nơi phát hành thẻ thông qua **giao thức SET**. Việc kiểm tra này được thực hiện tự động nên rất nhanh, thường chỉ trong vòng vài giây.
4. Ngân hàng phát hành thẻ sẽ phản hồi cho ngân hàng của người bán hoặc bên thứ ba về tính hợp lệ của thẻ.



# Cơ chế thanh toán qua mạng

## ❖ Quy trình (tt):

5. Sau đó thông tin này được giải mã và gửi về cho người bán.
6. Người bán dựa trên thông tin phản hồi này để quyết định bán hay không bán.
  - Nếu bán thì gửi email xác nhận + hóa đơn, văn bản cho người mua
  - Nếu không giao dịch kết thúc & gửi mail cho người mua nêu rõ lý do





# Merchant Account

- ❖ Merchant account là một tài khoản ngân hàng đặc biệt. Cho phép doanh nghiệp khi kinh doanh có thể chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng.
- ❖ Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng chỉ có thể tiến hành thông qua dạng tài khoản này.





# Cơ chế thanh toán qua mạng

❖ Sự khác biệt giữa người bán có Merchant Account và không có:

- **Người bán có Merchant Account:** việc xin được Merchant Account không phải dễ dàng, đòi hỏi người bán đa phần phải là ở Mỹ, phải có ký quỹ cho ngân hàng, phải có bằng chứng đảm bảo uy tín kinh doanh trên mạng... Vì trường hợp này họ được truy cập trực tiếp vào cơ sở dữ liệu của các ngân hàng để kiểm tra tính hợp lệ của thẻ.



# Cơ chế thanh toán qua mạng

❖ Sự khác biệt giữa người bán có Merchant Account và không có:

- **Người bán không có Merchant Account:** không phải người bán nào cũng có thể xin được Merchant Account, nhưng nhu cầu bán hàng qua mạng thì rất cao, từ đó có nhiều công ty xin Merchant Account để cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng cho các doanh nghiệp khác. Những công ty này được gọi là Third Party (Bên thứ ba) hoặc Online Payment Processor (Nhà xử lý thanh toán qua mạng).



# Những rủi ro trong thanh toán qua mạng

## ❖ Rủi ro đối với ngân hàng phát hành:

- Chủ thẻ sử dụng quá hạn mức cho phép
- Gian lận của chủ thẻ
- Sử dụng thẻ giả mạo
- Chủ thẻ mất khả năng thanh toán

## ❖ Rủi ro đối với ngân hàng thanh toán:

- Sai sót trong việc cấp phép
- Không cung cấp kịp thời danh sách Bulletin



# Những rủi ro trong thanh toán qua mạng

## ❖ Rủi ro cho cơ sở chấp nhận thẻ:

- Thẻ hết hiệu lực mà cơ sở không phát hiện ra
- Chấp nhận thanh toán vượt mức
- Cố tình tách nhỏ thương vụ để khỏi xin cấp phép
- Sử dụng số tiền trên hóa đơn (cố ý hoặc do ghi nhầm)

## ❖ Rủi ro đối với chủ thẻ:

- Mất thẻ và để lộ PIN



## Thanh toán qua mạng – Người bán

- ❖ Thanh toán trực tuyến bằng thẻ tín dụng thường dành cho giao dịch qua mạng dạng B2C.
- ❖ Các bước cần làm đối với người bán:
  - Mua qua mạng dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng thông qua thẻ tín dụng.
  - Mở một tài khoản thanh toán ở ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng gửi tiền về cho doanh nghiệp theo định kỳ qua tài khoản này.
  - Chọn một nhà cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng, ví dụ: 2checkout ([www.2checkout.com](http://www.2checkout.com)).





## Thanh toán qua mạng – Người bán

### ❖ Cách tính phí dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán qua mạng:

- Chi phí khởi tạo dịch vụ: từ vài chục đến vài trăm USD, trả một lần duy nhất.
- Chi phí cho mỗi giao dịch = chi phí cố định + % giá trị giao dịch.

**Ví dụ:** 2checkout có mức phí khởi tạo là 49 USD và mức phí cho mỗi giao dịch là \$0.45 + 5.5% giá trị giao dịch.



# Thanh toán qua mạng – Người bán

## ❖ Những điều lưu ý khi thanh toán qua mạng:

- Cần học hỏi những kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết để phòng chống gian lận trong thanh toán qua mạng.
- Rủi ro khi gặp gian lận trong thanh toán qua mạng: người bán không nhận được tiền + mất \$10 - \$30 cho mỗi giao dịch gian lận.
- Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán qua mạng gửi tiền cho người bán theo định kỳ, nhưng tổng giá trị giao dịch phải lớn hơn một mức quy định (2checkout quy định mức \$600).



# Thanh toán qua mạng – Người mua

- ❖ Người mua hàng qua mạng, trước hết cần có thể tín dụng (Vietcombank, ACB,...).
- ❖ Một số lưu ý để người mua tự bảo vệ mình khỏi mất tiền:
  - Khi chuẩn bị mua phải xem kỹ website bán có nổi tiếng không (ví dụ: Amazon thì tin tưởng hơn).
  - Nếu không phải là website nổi tiếng thì lưu ý:
    - Địa chỉ vật lý (physical address), số phone, số fax...
    - Đọc các điều khoản mua bán được đăng trên website.
    - Cần mua thì nên xem chỉ số Alexa của website này.



# Thanh toán qua mạng – Người mua

## ❖ Một số lưu ý (tt):

- Cần lưu ý form yêu cầu cung cấp thông số thẻ tín dụng:
  - Dòng link đã chuyển sang một domain khác?
  - Domain đó có nổi tiếng không (như 2checkout.com, worldpay.com, clickbank.com,...)
- Không nên dùng máy tính chung để mua hàng.
- Đừng dễ dàng cung cấp thông tin thẻ tín dụng cho các website không tin tưởng.
- Nên kiểm tra hóa đơn của ngân hàng gửi đến theo định kỳ: xem có khoản chi nào không phải của mình?



# Bảo mật khi thanh toán

- ❖ Việc **bảo mật trong khi thanh toán qua mạng** là vấn đề chiến lược và là trọng tâm hàng đầu trong TMĐT.
- ❖ Hiện nay, trong việc thanh toán qua mạng, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp dịch vụ xử lý thanh toán thẻ tín dụng trên thế giới áp dụng **công nghệ bảo mật cao cấp là SET**



# SET là gì?

- ❖ Do MasterCard , Visa cùng các công ty Microsoft, Netscape, IBM, GTE, SAIC,... thiết kế.
- ❖ Là một nghi thức tập hợp những kỹ thuật mã hóa và bảo mật nhằm mục đích đảm bảo an toàn cho các giao dịch mua bán trên mạng.
- ❖ SET được thiết lập để bảo mật những thông tin về cá nhân cũng như thông tin về tài chính trong quá trình mua bán và giao dịch trên mạng.





# SET là gì?

- ❖ Những tiêu chuẩn và công nghệ SET được áp dụng và thể hiện nhất quán trong các DN, các ngân hàng/công ty cấp thẻ, tổ chức tín dụng và trung tâm xử lý thẻ tín dụng qua mạng.
- ❖ Ngoài ra, SET thiết lập một phương thức hoạt động phối hợp tương hỗ (method of interoperability) nhằm bảo mật các dịch vụ qua mạng trên các phần cứng và phần mềm khác nhau.



## Câu hỏi 3

Với SET thì các thành phần tham gia TMĐT  
được hưởng những lợi ích gì?



# Lợi ích khi sử dụng SET

- ❖ Doanh nghiệp (người bán) được bảo vệ không bị mất hàng hóa hay dịch vụ bởi:
  - Những thẻ tín dụng không hợp lệ.
  - Người chủ thẻ không đồng ý chi trả.
- ❖ Ngân hàng được bảo vệ bởi:
  - Giao dịch mua bán không được sự đồng ý giữa các thành phần tham gia vào giao dịch hoặc các giao dịch không hợp lệ.



# Lợi ích khi sử dụng SET

- ❖ Người mua được bảo vệ để:
  - Không bị đánh cắp thẻ tín dụng.
  - Không bị người bán giả danh.





# Giảm thiểu rủi ro trong thanh toán bằng thẻ

- ❖ Luôn phải **kiểm tra địa chỉ của khách hàng**. Điều này có thể tự động thực hiện bằng hệ thống kiểm tra địa chỉ (Address Verification System - AVS).
- ❖ **Địa chỉ chuyển hàng và địa chỉ hóa đơn phải khớp nhau**. Một số nhà kinh doanh không chấp nhận đơn đặt hàng nơi mà địa chỉ chuyển đến khác với địa chỉ gửi đi nhất là đối với khách hàng quốc tế.



# Giảm thiểu rủi ro trong thanh toán bằng thẻ

- ❖ Hãy kiểm tra các đơn đặt hàng có địa chỉ **email miễn phí**.
- ❖ Kiểm tra **website của khách hàng** nếu có thể để xác định địa chỉ URL trên website của khách hàng bằng cách đơn giản đưa "www" vào trước phần thứ hai của địa chỉ email. Một số nhà kinh doanh còn cẩn thận hơn đó là họ kiểm tra ai có tên miền.





# Giảm thiểu rủi ro trong thanh toán bằng thẻ

- ❖ Kiểm tra các đơn đặt hàng khi thấy lạ.
- ❖ Gọi điện cho khách hàng nếu có nghi ngờ.
- ❖ Thu thập tất các dữ liệu về đơn đặt hàng có thể. Càng có nhiều dữ liệu về đơn đặt hàng càng tốt, bao gồm địa chỉ và số điện thoại khách hàng, tên ngân hàng phát hành thẻ và địa chỉ IP (Internet Protocol) nơi đặt đơn đặt hàng.
- ❖ Thông báo rõ ràng cho khách hàng trên website là ta có các thiết bị bảo vệ.



# Giảm thiểu rủi ro trong thanh toán bằng thẻ

- ❖ Không vi phạm mọi thỏa thuận giữa ta và khách hàng.
- ❖ Nếu sử dụng các dịch vụ kiểm tra thì phải đảm bảo là dịch vụ đó đáng tin cậy.
- ❖ Sử dụng SET (Secure Electronic Transaction) hoặc phương pháp Microsoft Wallet với các chứng chỉ số hóa để kiểm tra khách hàng đến thăm website.



# Ngân hàng với TTĐT

❖ Hệ thống ngân hàng phục vụ hoạt động thanh toán:

Loại ngân hàng	Số lượng 31/12/2011	Số lượng 31/12/2012
Ngân hàng thương mại Nhà nước	5	5
Ngân hàng chính sách	1	1
Ngân hàng thương mại CP	35	34
Ngân hàng liên doanh	4	4
Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	5	5
Tổng	50	49

Nguồn: Website của Ngân hàng Nhà nước [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn)



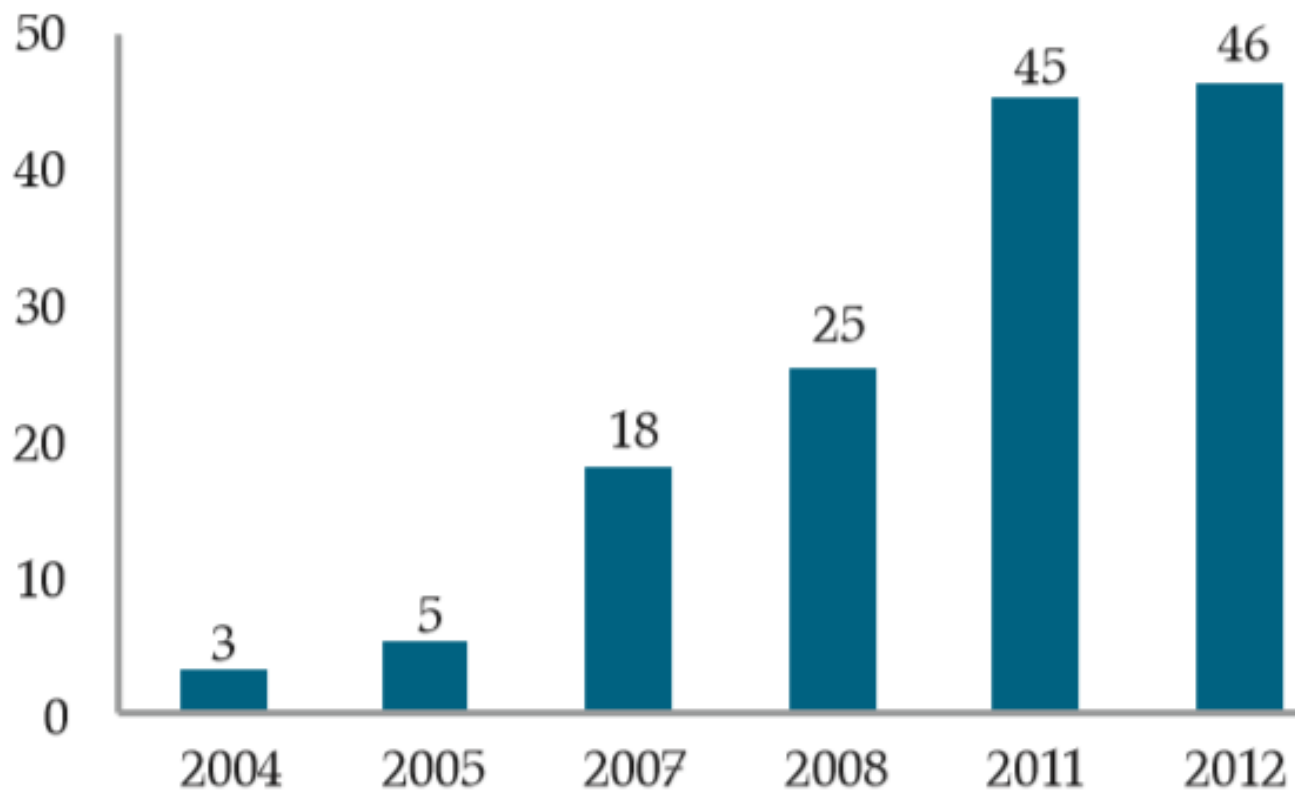
# Dịch vụ Internet Banking

- ❖ Dịch vụ **ngân hàng trực tuyến** là một khái niệm bắt đầu phổ biến trong vài năm gần đây khi số lượng ngân hàng cung cấp dịch vụ này tăng mạnh từ năm 2004.
- ❖ Tốc độ phát triển của dịch vụ ngân hàng trực tuyến là một minh chứng rõ ràng cho những thay đổi trong hoạt động thanh toán từ phía ngân hàng nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.



# Dịch vụ Internet Banking

❖ Số lượng ngân hàng triển khai Internet Banking?



Nguồn: Số liệu do Cục TMĐT và CNTT, Bộ Công Thương tập hợp từ nhiều nguồn



# Dịch vụ Internet Banking

❖ Một **Internet Banking** có những tính năng thông tin và tính năng thanh toán hóa đơn như sau:

- Tra cứu số dư tài khoản
- Tra cứu thông tin ngân hàng
- Sao kê tài khoản hàng tháng
- Tra cứu các thông tin khác của ngân hàng
- Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống
- Thanh toán hóa đơn





# Dịch vụ SMS Banking

- ❖ SMS Banking là dịch vụ tra cứu thông tin Ngân hàng qua điện thoại di động.
- ❖ Dịch vụ SMS Banking do Ngân hàng cung cấp hướng tới phục vụ mọi đối tượng khách hàng.
- ❖ Khách hàng chưa mở tài khoản tại ngân hàng sử dụng dịch vụ.
- ❖ Khách hàng đã có tài khoản tại ngân hàng sử dụng dịch vụ.



# Dịch vụ SMS Banking

❖ Các tiện ích dịch vụ SMS Banking đang được triển khai bao gồm:

- Nhóm cung cấp thông tin:
  - Số dư tài khoản
  - Liệt kê giao dịch của tài khoản
  - Lãi suất tiết kiệm
  - Tỷ giá tiền tệ
  - Địa điểm đặt máy ATM và phòng giao dịch
  - Hạn mức tín dụng
  - Tình hình hoạt động tín dụng



# Dịch vụ SMS Banking

❖ Các tiện ích dịch vụ SMS Banking đang được triển khai bao gồm:

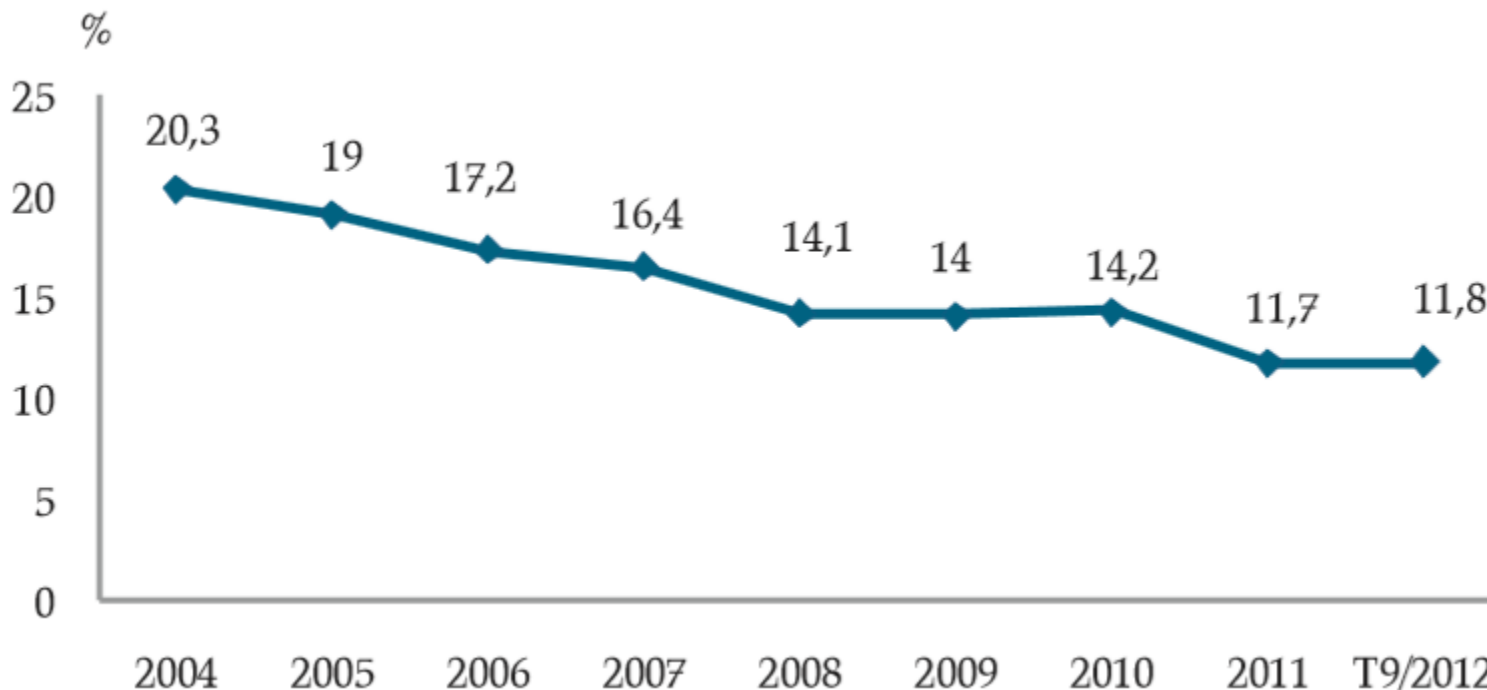
- **Nhóm thanh toán:**
  - Chuyển khoản
  - Thanh toán thẻ tín dụng
  - Thanh toán hóa đơn
  - Mua hàng trực tuyến





# Thanh toán trong TMĐT VN

- ❖ Thanh toán bằng tiền mặt: còn rất phổ biến trong các giao dịch hàng ngày. Tỷ lệ tiền mặt lưu thông trong tổng phương tiện thanh toán:

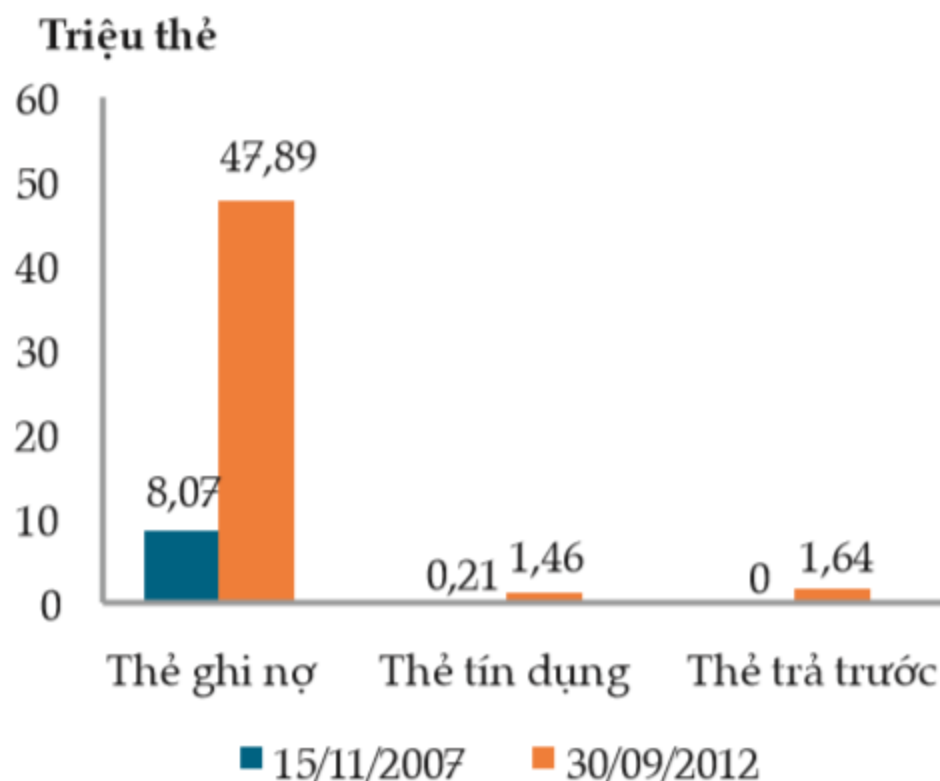
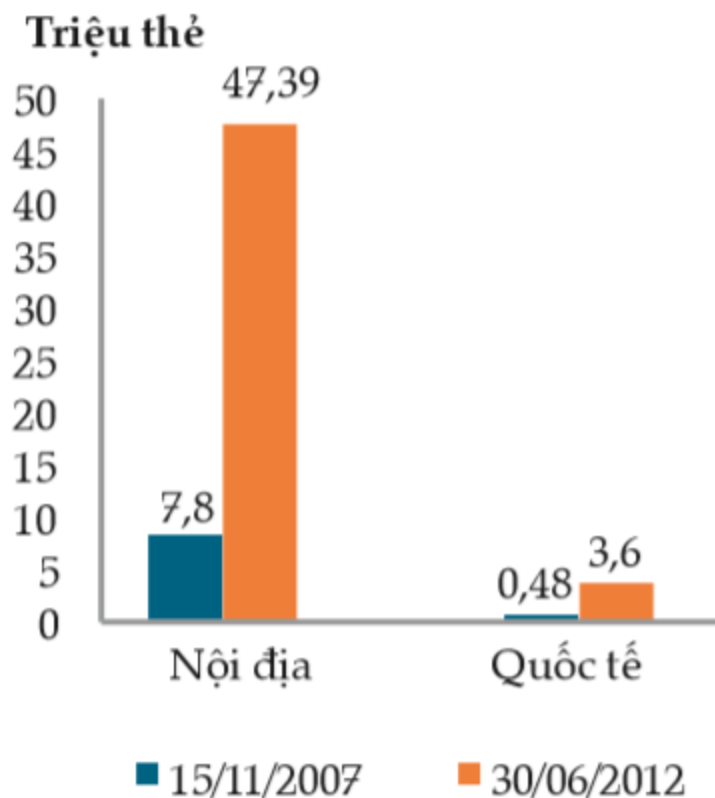


Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước qua các năm



# Thanh toán trong TMĐT VN

## ❖ Cơ cấu thẻ thanh toán năm 2007 và 2012:

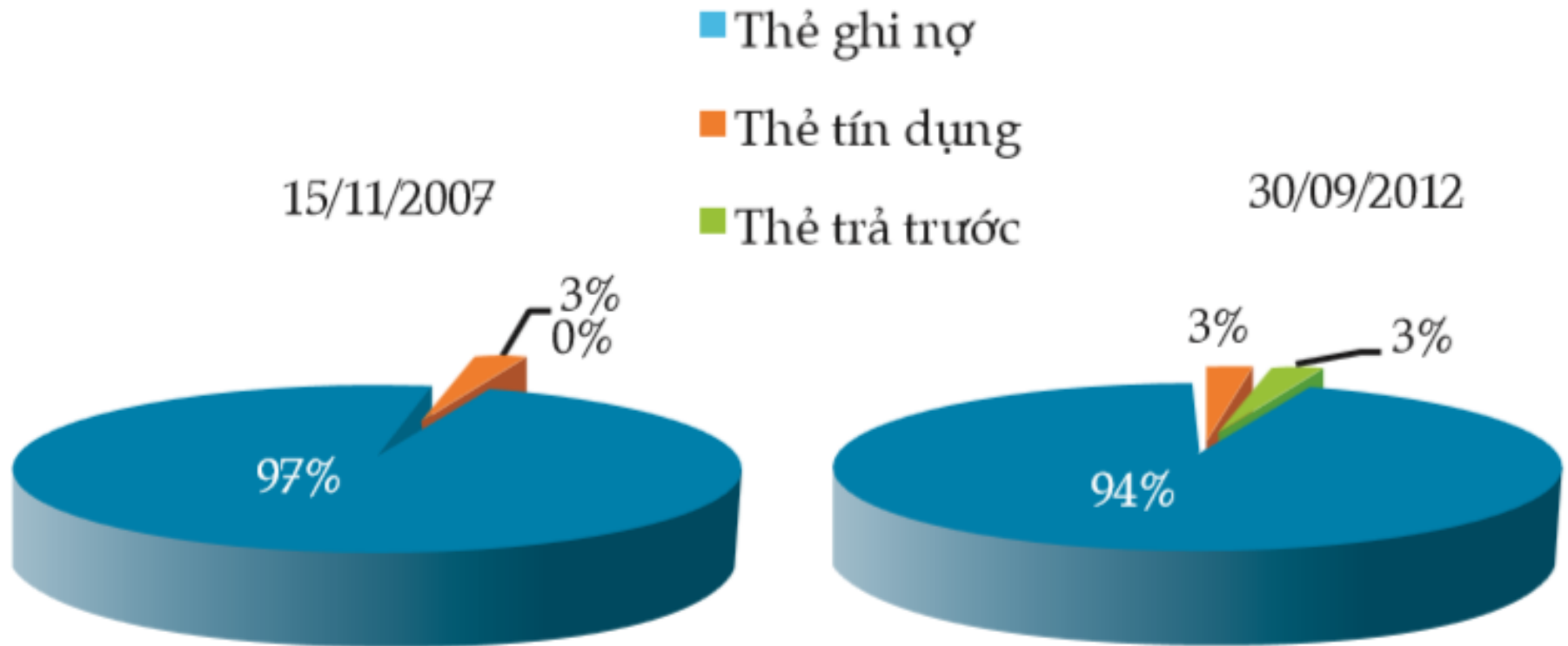


Nguồn: Website của Ngân hàng Nhà nước [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn)



# Thanh toán trong TMĐT VN

## ❖ Cơ cấu thẻ theo nguồn tài chính:



Nguồn: Website của Ngân hàng Nhà nước [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn)





# Thanh toán trong TMĐT VN

❖ Mức độ phổ cập thẻ tín dụng tại một số quốc gia:

Tên nước	Dân số (Triệu)	Thẻ tín dụng (Triệu)	Bình quân số thẻ TD/người	Chỉ số tiêu dùng cá nhân qua thẻ
Mỹ	313	800	2,6	25%
Nhật Bản	128	320	2,5	12%
Hàn Quốc	49	100	2,0	62%
Đài Loan	23	32	1,4	20%
Trung Quốc	1,341	285	0,21	22%
Indonesia	230	15	0,065	N/A
Việt Nam	87	1,46	0,017	N/A

Nguồn: Số liệu các nước do Công ty thanh toán trực tuyến Veritrans Inc. tổng hợp; số liệu Việt Nam do Công ty CP chuyển mạch tài chính quốc gia Banknet cung cấp – năm 2012



# Thanh toán trong TMĐT VN

- ❖ Pacific Airlines bán vé trực tuyến.
- ❖ Mục đích: cắt giảm chi phí hệ thống đại lý, tăng hiệu quả công tác quản lý lịch bay
- ❖ Thanh toán: trả trước bằng thẻ tín dụng quốc tế và thanh toán tiền mặt trả sau
- ❖ Kết quả:
  - Tiết kiệm được 50% chi phí hạ tầng bán vé
  - 6 tháng đầu năm 2007 so cùng kỳ: tăng 38%
  - Hệ số sử dụng ghế 85% (so với trước là 70%)



# Thanh toán trong TMĐT VN

## ❖ 123mua! với thanh toán điện tử:

- Là website B2C hoạt động khá hiệu quả. Năm 2007: 2.500 đơn hàng/tháng.
- Thanh toán với nhiều hình thức.

Tỷ lệ sử dụng của các hình thức thanh toán theo từng giai đoạn tại 123!mua

Hình thức	Tỷ lệ (%)		
	Trước 10/8/2007	Sau INT (10/8/2007)	Sau DAB (27/10/2007)
Thẻ trả trước VinaGame	89,5	71,5	52,2
Chuyển khoản qua ngân hàng	1,3	2,1	4,2
Chuyển tiền qua bưu điện	6,1	8,8	24,1
Giao hàng và lấy tiền	3,1	1,2	0,4
Thẻ Visa và Master Card (INT)		16,4	11,8
Thẻ đa năng Đông Á (DAB)			7,3

Nguồn: Báo cáo của 123!mua – Tháng 12/2007



# Bài tập nhóm

1. Phân tích những yêu cầu cơ bản của hệ thống thanh toán điện tử?

# Q/A?



000100101011001010100101001001  
00100101011001010100101001001  
0010101001001001001  
010010010  
0001001